

TÁC ĐỘNG CỦA CHI TIÊU CÔNG TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Hoàng Khắc Lịch*, Phan Thế Công**

Ngày nhận: 21/01/2016

Ngày nhận bản sửa: 20/02/2016

Ngày duyệt đăng: 25/2/2016

Tóm tắt:

Bài viết này tập trung phân tích về tác động của chi tiêu công tới tăng trưởng kinh tế. Trong đó tốc độ tăng quy mô chi tiêu công và tỷ lệ Chi tiêu công/GDP được coi là biến giải thích trong mô hình hồi quy với dữ liệu bảng của 77 quốc gia, trong giai đoạn 1990-2013. Kết quả cho thấy chi tiêu công một mặt tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế, mặt khác lại kìm hãm nó. Cụ thể là, tốc độ tăng chi tiêu công tác động tích cực tới tăng trưởng, trong khi quy mô chi tiêu công lại tác động tiêu cực.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, chi tiêu công, tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu.

Impacts of public expenditure on economic growth

Abstract:

This paper aims at examining the impacts of government expenditure (GE) on economic growth. The growth rate of GE, and the ratio of GE to GDP are treated as explanatory variables in regression models for a panel data of 77 countries, in the period 1990-2013. The results show that the growth rate of GE has a positive effect on economic growth, while the ratio of GE to GDP has a negative effect.

Keywords: Economic growth; public expenditure; consumption; investment; exports.

1. Giới thiệu

Cùng với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, hệ thống nghiên cứu về động lực tăng trưởng ở các nước ngày càng hoàn thiện. Mặc dù còn tồn tại nhiều quan điểm đối lập về tính chất và mức độ tác động, nhưng các nghiên cứu đa phần thống nhất với nhau về những các yếu tố có tác động đáng kể nhất. Có thể nói rằng các quan điểm về ảnh hưởng của tổng chi tiêu công tới tăng trưởng kinh tế là không giống nhau, liên tiếp có sự thay đổi và bổ sung theo thời gian. Có ba quan điểm chính: (1) Chi tiêu công tỷ lệ thuận với tăng trưởng kinh tế; (2) Chi tiêu công tỷ lệ nghịch với tăng trưởng kinh tế; và (3) Tồn tại một mức chi tiêu công tối ưu.

Chi tiêu công tỷ lệ thuận với tăng trưởng kinh tế? Barro (1991) đã nghiên cứu dữ liệu của nhiều quốc gia trong khoảng thời gian 1960-1985 để xem xét mối quan hệ giữa tổng chi tiêu công và GDP thực tế. Ông phát hiện ra tác động tích cực và đáng kể của

chi tiêu công với tăng trưởng. Tuy nhiên, Barro cũng cho rằng, chi tiêu công có thể trở thành nguyên nhân chính bóp méo thị trường. Do đó, nó không phải là giải pháp lâu dài cho một nền kinh tế tăng trưởng mạnh. Sau Barro (1991), rất nhiều nhà nghiên cứu khác cũng đã tìm hiểu về chủ đề này và cho thấy tác động tích cực của chi tiêu công đối với tăng trưởng kinh tế: ví dụ như Alexiou (2007) nghiên cứu số liệu của Hy Lạp; Alexiou (2009) nghiên cứu 7 quốc gia trong khu vực miền Nam Đông Âu, giai đoạn 1995-2005...

Chi tiêu công tỷ lệ nghịch với tăng trưởng kinh tế? Một trong những lý giải chủ yếu cho quan điểm chi tiêu công có tác động tiêu cực đến nền kinh tế là do sự yếu kém của thể chế. Cụ thể, Saunders (1985) đã phân tích dữ liệu của các nước OECD và cung cấp minh chứng cho nhận định về mối quan hệ tiêu cực giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế. Sau đó, Devarajan & cộng sự (1996) sử dụng dữ liệu của

43 nước đang phát triển trong khoảng thời gian 20 năm (1970-1990) và cũng cho thấy một kết quả tương tự. Phần lớn các tác giả đều cho rằng có sự kém hiệu quả trong cơ chế giám sát hoạt động chi tiêu công dẫn tới tốc độ tăng trưởng thấp.

Có tồn tại một mức chi tiêu công tối ưu? Barro (1990) cho rằng mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế là phi tuyến tính, thể hiện thông qua hình chữ U ngược. Theo đó, ở giai đoạn đầu của sự phát triển, chi tiêu công tăng cùng với tổng sản lượng. Nguyên nhân là do sự gia tăng chi tiêu chính phủ làm tăng năng suất biên của vốn. Mức gia tăng này vượt trội hơn so với tác động tiêu cực của các gánh nặng do thuế. Tuy nhiên, đến một giới hạn nào đó (Barro gọi đó là mức tối ưu của chi tiêu công), các hiệu ứng sẽ xảy ra theo chiều ngược lại. Theo đó, chi tiêu công làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Vấn đề đặt ra với các nhà kinh tế học là mức chi tiêu tối ưu của chính phủ là bao nhiêu? Peden (1991) nghiên cứu dữ liệu tại Mỹ giai đoạn 1889-1986 và cho thấy rằng năng suất tối đa đạt được khi chi tiêu chính phủ đạt 20% GNP. Điều này đồng nghĩa với việc, vào năm 1986, mức chi tiêu của Chính phủ Mỹ đạt 35% GNP cũng đang vượt ngưỡng tối ưu. Nghiên cứu trường hợp của Iran, Abounoori & Nademi (2010) cho rằng mức chi tiêu tối ưu của chính phủ Iran là 34,7% GDP. Trong đó 23,6% GDP chi tiêu dành cho chi phí tiêu dùng, còn lại 8% dành cho chi phí đầu tư. Từ đây, các tác giả cũng đưa ra những khuyến nghị chính sách với mức tổng chi tiêu chính phủ đang vượt quá mức tối ưu của Iran trong giai đoạn nghiên cứu 1969-2006. Pevcin (1996) sử dụng dữ liệu bảng để phân tích trường hợp các nước đang phát triển ở châu Âu giai đoạn 1950-1996. Kết quả nghiên cứu vẫn chỉ ra một mối liên hệ tích cực giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế ở các nước này. Tuy nhiên, nhóm tác giả cho rằng, các nước nghiên cứu đang ở giai đoạn đầu của “đường cong chữ U ngược”. Các lợi ích này cũng đang phải đối mặt với những đe dọa từ tổn thất hiệu quả do phân phối lại và tăng thuế. Dẫn tới một mức chi tiêu công tối ưu được nhóm tác giả đưa ra gợi ý trong trường hợp này là 36 cho đến 42% GDP.

Có thể nói rằng, sự không thống nhất về kết quả của các nghiên cứu trước đây là động lực nghiên cứu của bài viết này. Trong đó, để tìm hiểu về mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế, bài viết có những khác biệt về cách tiếp cận vấn đề so với những nghiên cứu trước đây. *Thứ nhất*, bài viết này sử dụng số liệu mảng của 77 quốc gia, trong giai đoạn 1990-2013. Đây là khoảng thời gian tương đối dài và cập nhật nhất hiện nay. *Thứ hai*, các biến

trong mô hình hồi quy được lựa chọn dựa trên hàm tổng chi tiêu (gồm tiêu dùng của hộ gia đình, đầu tư, chi tiêu của chính phủ, và xuất khẩu ròng) và hàm sản xuất (gồm vốn và lao động). *Thứ ba*, bài viết sử dụng cả tốc độ tăng quy mô chi tiêu công và tỷ lệ Chi tiêu công/GDP làm biến giải thích trong mô hình hồi quy.

Để lần lượt thể hiện những đóng góp cho chủ đề nghiên cứu này, phần còn lại của bài viết được bố cục như sau. Mục 2 là tổng quan tài liệu nghiên cứu liên quan đến nội dung, Mục 3 trình bày phương pháp và số liệu nghiên cứu. Mục 4 phân tích các kết quả thu được từ các mô hình hồi quy. Cuối cùng, mục 5 kết luận.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong khi lý thuyết đã đi đến giả định về đóng góp của đầu tư công vào tăng trưởng kinh tế, những nghiên cứu thực nghiệm dựa vào số liệu tổng chi tiêu công chỉ tìm thấy mối quan hệ không chặt chẽ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế. Khi sử dụng số liệu quốc gia để kiểm chứng quan hệ giữa đầu tư công và tăng trưởng kinh tế, một số nghiên cứu trong lĩnh vực này chỉ tìm ra mối quan hệ không có ý nghĩa thống kê (Barro, 1991). Các nghiên cứu khác đã cho thấy chi tiêu công vào giáo dục, y tế, và nhà ở có tác động tích cực đối với tăng trưởng kinh tế (Diamond, 1989). Một số nghiên cứu khác đã sử dụng số liệu của Hoa Kỳ để kiểm chứng tác động của đầu tư công đối với năng suất của vốn hiện có, chi tiêu công và việc làm. Trong khi nhiều nghiên cứu đã tìm thấy những tác động tích cực, tác động của đầu tư công đối với chi tiêu tư dưỡng như chịu tác động mạnh mẽ của mức độ cắt giảm chi tiêu (ví dụ: Aschauer, 1989; Munnell, 1990), trong khi nghiên cứu quốc gia bao gồm cả nghiên cứu ở các nước đang phát triển đã không tìm thấy được kết quả thống kê thuyết phục về quan hệ giữa đầu tư công và tăng trưởng (Levine & Renelt, 1992). Các nghiên cứu thực nghiệm dựa trên số liệu theo thời gian hay trên cả nước nhằm xác định mức độ đóng góp của chi tiêu công đối với tăng trưởng kinh tế.

Việc đánh giá tác động của chi tiêu công đối với tăng trưởng kinh tế, nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã dẫn tới kết quả đối nghịch nhau: một số nghiên cứu ủng hộ giả thuyết tăng chi tiêu công sẽ dẫn tới giảm tăng trưởng kinh tế Scully (1989); một số nghiên cứu khác lại cho rằng chi tiêu công có quan hệ tỷ lệ thuận với tăng trưởng kinh tế (Ram, 1986); và còn có nghiên cứu lại không tìm thấy mối quan hệ gì giữa hai yếu tố này (Kormendi & Meguire, 1985; Diamond, 1989). Trong một nghiên cứu khác, chi tiêu công không có tác động tới tăng trưởng ở các quốc gia phát triển, nhưng lại có tác động tích

cực ở các nước đang phát triển (Sattar, 1993).

Nghiên cứu của Levine & Renelt (1992) về quan hệ giữa tổng chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế cho thấy chưa dẫn tới kết quả thực sự thuyết phục về mối quan hệ giữa chi tiêu công với tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu đã kiểm chứng tác động của một số yếu tố chi tiêu công nhất định đối với tăng trưởng kinh tế. Nhưng nhìn chung, các nghiên cứu này cho thấy tiêu dùng công không thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Các nghiên cứu có kết quả tương tự như Diamond (1989), Barro (1991) và Easterly & Rebelo (1993).

Ngược lại với các nghiên cứu ở trên, một số nghiên cứu khác đã tìm thấy mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa tăng trưởng kinh tế với nhiều chỉ số giáo dục hay chi tiêu: mức độ thành tựu giáo dục tiểu học và trung học (Barro, 1991; Easterly & Rebelo, 1993); tỷ lệ chi tiêu cho giáo dục trong tổng chi tiêu và chi đầu tư cho giáo dục (Diamond, 1989). Thêm vào đó, nghiên cứu của Clements và Levy (1994) cũng cho thấy mối quan hệ gián tiếp giữa giáo dục và tăng trưởng kinh tế, ví dụ, thông qua mối quan hệ giữa chi tiêu cho giáo dục và đầu tư.

Ngược lại với quan hệ tỷ lệ thuận giữa giáo dục và tăng trưởng, một số nghiên cứu đã cho thấy mối quan hệ lỏng lẻo giữa năng suất lao động – một yếu tố có quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế – và các chỉ số y tế (Gwatkin, 1983), mặc dù có những ngoại lệ (ví dụ, World Bank, 1993). Các nghiên cứu khác đã được thực hiện nhằm xác định tác động của đầu tư hộ gia đình vào giáo dục và y tế hoặc tác động của chi tiêu công đối với các dịch vụ giáo dục và y tế; những nghiên cứu này với kết quả khá thuyết phục đã cho thấy tác động tích cực của những khoản đầu tư này đối với thu nhập suốt đời hay các chỉ số giáo dục và y tế. Những nghiên cứu này đã xem xét năng suất của các dịch vụ giáo dục tiểu học và y tế công, cụ thể là ở các nước đang phát triển, cũng như chi tiêu cho giáo dục sức khỏe và chăm sóc sức khỏe dự phòng expenditures (Ryoo, 1998; Psacharopoulos, 1993; và World Bank, 1993).

Như vậy, phát hiện của các nghiên cứu trước có sự không thống nhất về tính chất và mức độ tác động của chi tiêu công tới tăng trưởng kinh tế. Nguyên nhân có thể do đối tượng nghiên cứu và thời gian nghiên cứu không giống nhau. Các nghiên cứu tập trung vào nhóm các nước đang phát triển thường tìm thấy mối quan hệ đồng biến giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế. Kết quả đó có thể được biểu thị bằng nửa đầu của hình chữ U ngược trong phát hiện của Barro (1991). Trong khi đó, các nghiên cứu tập trung vào nhóm nước phát triển lại thường chỉ ra mối quan hệ nghịch biến, là nửa sau

của hình chữ U ngược. Ngoài ra, nguyên nhân cũng có thể do cách sử dụng biến giải thích trong mô hình, hoặc do phương pháp ước lượng (Nijkamp & Poot, 2004; Bergh & Henrekson, 2011; Churchill & cộng sự, 2015).

Một số nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa chi tiêu công với tăng trưởng kinh tế; một số nghiên cứu khác về mối quan hệ giữa một số yếu tố chi tiêu nhất định như đầu tư công, chi tiêu cho giáo dục hay y tế, hay các yếu tố cấu thành các khoản chi tiêu này và tăng trưởng kinh tế. Rào cản lớn trong những nghiên cứu này là những khó khăn trong (1) việc xác định sản lượng khu vực công; (2) đánh giá riêng tác động của cách gây quỹ cho chi tiêu công (bao gồm cả việc cắt giảm đầu tư tư); và (3) đo lường tác động của các yếu tố khác đối với tăng trưởng kinh tế. Thêm vào đó, việc sử dụng số liệu quốc gia đương đại để xác định mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế có thể không cho kết quả chính xác vì nhiều dự án chi tiêu công (ví dụ như dự án về giáo dục tiểu học và cơ sở hạ tầng) thường trải qua giai đoạn hình thành lâu dài.

Tăng trưởng kinh tế là mục tiêu chủ yếu của chính sách chi tiêu công. Nhiều chương trình công có mục tiêu khuyến khích tăng trưởng kinh tế bền vững. Chi công đã đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành nguồn vốn con người. Nhiều khoản chi công phù hợp có vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hiệu quả. Thực tế cho thấy, chi tiêu công là một lĩnh vực có quan hệ trực tiếp với tăng trưởng kinh tế. Chi tiêu công trong cơ sở hạ tầng cơ bản là điều kiện tiên quyết quan trọng trong tích lũy vốn của khu vực tư nhân. Chi tiêu công vào cơ sở hạ tầng giáo dục và y tế đã giúp cải thiện hình thành vốn con người. Tuy nhiên, chi tiêu công cũng là một lĩnh vực có thể xác định được những dự án lớn không có hiệu quả.

3. Phương pháp và số liệu

3.1. Phương pháp

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hồi quy với dữ liệu bảng để tìm hiểu về mối quan hệ giữa chi tiêu công (thể hiện thông qua tốc độ tăng chi tiêu công và tỷ lệ Chi tiêu công/GDP) và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Các biến kiểm soát được xác định dựa vào các biến trong hàm sản xuất và hàm tiêu dùng. Hàm sản xuất cho biết sản lượng đầu ra được xác định dựa vào hai đầu vào là vốn và lao động. Hàm tiêu dùng xác định giá trị GDP theo chi tiêu của hộ gia đình, chi tiêu công, đầu tư của doanh nghiệp và xuất khẩu ròng. Kết hợp các biến từ cả hai hàm số trên, bài viết này lựa chọn các biến kiểm soát trong mô hình hồi quy gồm: tốc độ tăng vốn

đầu tư, tốc độ tăng quy mô lực lượng lao động, tốc độ tăng chi tiêu của hộ gia đình, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, và tỷ lệ lạm phát hàng năm. Lưu ý rằng, ngoài vốn đầu tư và lao động, các biến giải thích còn lại có thể được tính là một phần của TFP, được coi là số dư Solow. Riêng đối với tốc độ tăng chi tiêu công, phương trình hồi quy còn có thêm giá trị lùi một kỳ để xem xét tác động trễ của nó tới tăng trưởng kinh tế. Phương trình hồi quy được phân tích có dạng bậc hai đối với các biến chi tiêu của hộ gia đình, tỷ lệ Chi tiêu công/GDP và lạm phát. Lý do chọn mô hình này là vì nó cho phép xác định được cả ba mối quan hệ của các biến (cùng chiều, ngược chiều và thậm chí cả hai).

Các biến có trong mô hình hồi quy được mô tả trong bảng 1.

Trong nghiên cứu này, tác động của chi tiêu công tới tăng trưởng được phân tích bởi một trong hai mô hình hồi quy với dữ liệu bảng: mô hình với tác động cố định (FE) và mô hình với tác động ngẫu nhiên (RE). Có thể giải thích lý do sử dụng từng mô hình như sau. Thứ nhất, mỗi quốc gia đều có những đặc điểm riêng có thể ảnh hưởng tới các biến giải thích của mô hình, do đó cần phải kiểm soát chúng. Do vậy, chúng ta nên dùng mô hình có tác động cố định. Thứ hai, sự khác biệt giữa các quốc gia có thể ngẫu nhiên, nên không liên quan gì tới các biến giải thích có trong mô hình. Do đó chúng ta nên sử dụng mô hình hồi quy với tác động ngẫu nhiên. Việc lựa chọn mô hình sẽ căn cứ vào kết quả của phép kiểm định Hausman.

3.2. Số liệu

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập từ công bố của Ngân hàng Thế Giới (WB), về các chỉ số phát triển thế giới (WDI). Số liệu bao gồm thông tin về quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh

tế, chi tiêu công, lực lượng lao động, vốn đầu tư, xuất khẩu và lạm phát. Số liệu đã được xử lý để có được khoảng thời gian xem xét dài nhất, 23 năm, từ 1990 đến 2013. Theo đó, có 77 quốc gia được quan sát, được chia thành 5 nhóm thu nhập gồm có: nhóm thu nhập cao (25 nước thuộc OECD), nhóm thu nhập cao (7 nước ngoài OECD), nhóm thu nhập trung bình cao (19 nước), nhóm thu nhập trung bình thấp (20 nước), và nhóm thu nhập thấp (6 nước).

Thông kê đơn giản cho thấy có sự liên quan giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ Chi tiêu công/GDP, thể hiện thông qua thứ hạng về tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình của 05 nhóm quốc gia. Cụ thể là, nhóm thu nhập cao có tốc độ tăng trưởng trung bình thấp nhất (2,34%), tiếp đó lần lượt là các nhóm thu nhập trung bình thấp (4,08%), nhóm thu nhập trung bình cao (4,14%), nhóm thu nhập thấp (5,18%) và tăng trưởng nhanh nhất là nhóm thu nhập cao ngoài OECD (6,55%). Như vậy, có nghĩa là nhóm có tỷ lệ Chi tiêu công/GDP càng cao thì có tốc độ tăng trưởng càng thấp.

Ngoài ra, ở mức trung bình, tốc độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ gia tăng chi tiêu công nhìn chung gần bằng nhau và có sự đồng điệu nhất định. Sự vận động của hai chỉ số này phần lớn thời gian là ngược chiều nhau ở tất cả các nhóm. Tuy nhiên, vẫn có những khoảng thời gian chúng vận động cùng chiều, ví dụ rõ nhất là ở nhóm thu nhập cao giai đoạn 1995-1998. Điều này làm nảy sinh hai nghi vấn: Thứ nhất là liệu có mối quan hệ ngược chiều giữa hai chỉ số? Thứ hai là sự tăng lên về chi tiêu công sẽ tác động tới tăng trưởng kinh tế ngay trong năm đó hay năm tiếp theo, dẫn tới sự nhập nhằng về mối quan hệ giữa chúng? Tiếp theo, những nghi vấn đó sẽ được trả lời phần nào thông qua phân tích hồi quy với dữ liệu bảng của 77 quốc gia, chia thành 05 nhóm nước, trong 23 năm.

Bảng 1: Danh sách các biến trong mô hình hồi quy

Tên biến	Giải thích
gdp_g	Tốc độ tăng trưởng GDP
capital_g	Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư
labor_g	Tốc độ tăng quy mô lực lượng lao động
consum_g	Tốc độ tăng chi tiêu của hộ gia đình
consum_g2	Bình phương của Tốc độ tăng chi tiêu của hộ gia đình
gov_exp_g	Tốc độ tăng chi tiêu của chính phủ của năm hiện hành
gov_exp_p	Tỷ lệ Chi tiêu của chính phủ/GDP
gov_exp_p2	Bình phương của Tỷ lệ Chi tiêu của chính phủ/GDP
laggov_g	Tốc độ tăng chi tiêu của chính phủ trong năm trước đó
laggov_g2	Bình phương của Tốc độ tăng chi tiêu của chính phủ trong năm trước đó
export_g	Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu
inflation	Tỷ lệ lạm phát
inflation2	Bình phương của tỷ lệ lạm phát

4. Kết quả nghiên cứu

Kiểm định Hausman cho thấy có thể bác bỏ giả thuyết rằng sự khác biệt giữa các quốc gia có tính ngẫu nhiên và không ảnh hưởng tới các biến giải thích trong mô hình. Do vậy, các kết quả của mô hình hồi quy với tác động cố định được ghi nhận trong Bảng 4. Trong đó cột FE(2) ghi lại kết quả của mô hình rút gọn sau khi đã loại bỏ biến gov_exp_p2 do phương trình bậc hai với biến này không phù hợp, hệ số hồi quy ứng với cả hai biến bậc 1 và bậc 2 đều không có ý nghĩa thống kê ở mức tin cậy 90%. Sau khi loại bỏ một biến bậc 2 thì hệ số hồi quy trở nên có ý nghĩa.

Như vậy, kết quả FE(2) cho thấy mối quan hệ đồng biến giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế với tốc độ tăng của các biến giải thích gồm vốn đầu tư, quy mô lực lượng lao động, chi tiêu công và kim ngạch xuất khẩu. Tốc độ tăng trưởng kinh tế phụ thuộc phi tuyến tính đối với tốc độ tăng của các biến chi tiêu của hộ gia đình, chi tiêu công của năm trước, và tỷ lệ lạm phát. Tuy nhiên, vì tốc độ tăng chi tiêu của hộ gia đình ở phần lớn các quốc gia đều cao hơn mức khiến tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp nhất, nên có thể nhận định rằng chi tiêu của hộ gia đình có ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng. Tương tự, phần lớn các tỷ lệ lạm phát của các quốc gia đều nhỏ hơn mức mà tốc độ tăng trưởng đạt cực tiểu, nên ảnh hưởng

Bảng 2. Kết quả phân tích hồi quy

	FE (1)	FE(2)	FE(3)	FE(4)	FE(5)
	gdp_g	gdp_g	gdp_g	gdp_g	gdp_g
capital_g	0.00352*** (3.32)	0.00353*** (3.33)	0.00294** (2.83)	0.00353 (1.55)	0.00353** (2.71)
labor_g	18.13* (2.42)	17.68* (2.36)	18.23* (2.40)	17.68* (2.00)	17.68** (2.78)
consum_g	0.0293*** (4.64)	0.0299*** (4.74)	0.00112 (1.08)	0.0299 (0.91)	0.0299 (1.54)
consum_g2	0.00000740*** (4.58)	0.00000751*** (4.65)		0.00000751 (0.92)	0.00000751 (1.48)
gov_exp_g	0.0553*** (10.43)	0.0553*** (10.42)	0.0539*** (10.19)	0.0553** (2.79)	0.0553*** (3.71)
gov_exp_p	0.106 (0.78)	-0.106* (-2.19)	-0.111* (-2.31)	-0.106 (-1.43)	-0.106 (-1.13)
gov_exp_p2	-0.00631 (-1.67)				
laggov_g	0.0594*** (5.33)	0.0603*** (5.41)	0.0231*** (4.33)	0.0603 (1.46)	0.0603*** (4.40)
laggov_g2	-0.0000964*** (-3.92)	-0.0000991*** (-4.03)		-0.0000991 (-1.34)	-0.0000991** (-3.35)
export_g	0.254*** (30.98)	0.255*** (31.18)	0.256*** (30.86)	0.255** (3.13)	0.255*** (4.99)
inflation	-0.00685** (-2.93)	-0.00710** (-3.04)	0.000283 (0.37)	-0.00710 (-1.76)	-0.00710* (-2.28)
inflation2	0.00000191** (3.16)	0.00000199** (3.3)		0.00000199* (2.16)	0.00000199** (2.76)
_cons	1.416 (1.16)	2.962*** (3.74)	3.208*** (4.09)	2.962 (1.86)	2.962 (1.90)
N	1694	1694	1694	1694	1694
R-sq	0.447	0.446	0.426	0.446	

Thông kê *t* được ghi trong ngoặc đơn

* p<0.05, **p<0.01, ***p<0.001

Nguồn: Tính toán của các tác giả

của nó tới tăng trưởng là tiêu cực. Trong khi đó, tất cả các quốc gia đều có tốc độ tăng chi tiêu công của năm trước đó thấp hơn mức khiến tăng trưởng đạt cực đại, vì thế, kết hợp với phát hiện về tác động tích cực của tốc độ tăng chi tiêu công của năm hiện hành, chúng ta kết luận rằng tác động của chi tiêu công nói chung tới tăng trưởng kinh tế là tích cực. Hay nói một cách khác, trong phạm vi của bài nghiên cứu, tốc độ chi tiêu công càng cao thì càng kích thích tăng trưởng kinh tế. Có thể vì các quốc gia được nghiên cứu vẫn đang tìm kiếm tốc độ tăng trưởng tối ưu trong giai đoạn đó nên chính phủ tiếp tục gia tăng chi tiêu công. Một điểm đáng chú ý khác, đó là tác động tiêu cực của tỷ lệ Chi tiêu công/GDP tới tăng trưởng kinh tế. Phát hiện này ngụ ý rằng quốc gia có quy mô chi tiêu công càng lớn thì tốc độ tăng trưởng kinh tế càng thấp. Nguyên nhân là do khi tăng quy mô chi tiêu công thì hiệu quả của nó sẽ giảm dần, đồng thời rút bớt ngân sách dành cho hỗ trợ sản xuất, vì thế tăng trưởng sẽ bị sụt giảm.

Từ những lý do đó, chúng ta có động lực để điều chỉnh mô hình hồi quy về dạng tuyến tính đối với tất cả các biến, FE(3). Kết quả cho thấy sau khi bỏ đi các biến bình phương thì hệ số hồi quy đối với đối với tốc độ tăng chi tiêu của hộ gia đình và lạm phát trở nên mất ý nghĩa thống kê. Giá trị đo lường mức độ phù hợp của mô hình cũng giảm đáng kể, từ 0,446 giảm còn 0,426. Ngoài ra, giá trị thống kê t của nhiều ước lượng bị giảm xuống, như đối với tốc độ tăng của vốn đầu tư, chi tiêu công của năm hiện tại và năm trước đó, và xuất khẩu. Như vậy, mô hình FE(2) được đánh giá tốt hơn để tiếp tục phân tích và đi đến kết luận về các mối quan hệ.

Các phép kiểm định sau ước lượng được thực hiện nhằm xác định sự thỏa mãn đối với các giả thuyết cơ bản của mô hình FE(2). Đầu tiên là kiểm định Wooldridge cho kết luận không có tự tương quan bậc nhất trong mô hình. Tiếp đó, kiểm định Wald chỉ ra có hiện tượng phương sai sai số thay đổi trong mô hình hồi quy. Do vậy lựa chọn cung cấp sai số chuẩn tốt hơn cần phải được thực hiện để có được các kết luận chính xác. Theo đó, FE(4) đã làm giảm đáng kể các giá trị thống kê t , nhiều hệ số hồi quy từ có ý nghĩa trở thành không có ý nghĩa ở các mức độ tin cậy khác nhau. Kết quả ghi nhận tác động tích cực của tốc độ tăng quy mô lực lượng lao động, tốc độ tăng chi tiêu công và tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, ảnh hưởng của lạm phát tới gia tốc của nền kinh tế vẫn là tiêu cực. Cuối cùng, kiểm định Parasan xác định có hiện tượng sai số tương quan chéo qua các quốc gia. Do vậy, sai số chuẩn Driscoll và Kraay được áp dụng vào tính

toán. Kết quả của phép hồi quy này, FE(5), ủng hộ phần lớn phát hiện của FE(2) ngoại trừ ảnh hưởng của tốc độ tăng chi tiêu của hộ gia đình và tỷ lệ Chi tiêu công/GDP. Như vậy, sau khi khắc phục các vấn đề tồn tại của mô hình hồi quy FE(2), chúng ta đều ghi nhận tác động tích cực của chi tiêu công tới tăng trưởng kinh tế.

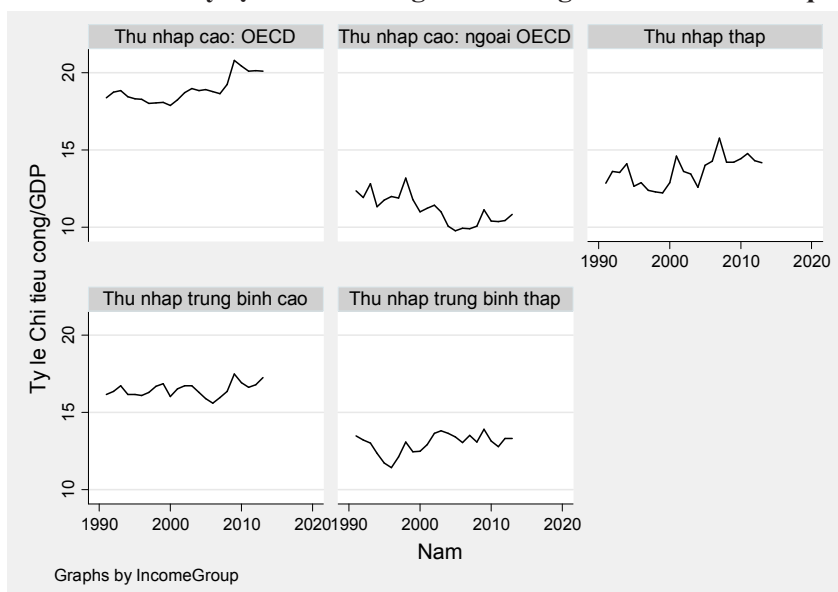
5. Kết luận

Thông qua thống kê mô tả và phân tích hồi quy với dữ liệu bảng, nghiên cứu này đã chỉ ra tác động của chi tiêu công cùng với những biến vĩ mô khác tới tốc độ tăng trưởng kinh tế. Cụ thể là, tốc độ tăng trưởng kinh tế tỷ lệ thuận với tốc độ tăng vốn đầu tư, lao động, quy mô chi tiêu công (kể cả năm hiện hành và năm trước đó), và tốc độ tăng xuất khẩu. Ngược lại, lạm phát cơ bản tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế ở hầu hết các nước trong giai đoạn 1990-2013. Điều đáng lưu ý khác là mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm hiện hành với tốc độ tăng của quy mô chi tiêu công trong năm trước đó và lạm phát có dạng phi tuyến tính. Tuy nhiên tác động tiêu cực của gia tăng chi tiêu công và tác động tích cực của lạm phát ít có khả năng xảy ra. Do đó, xét trung bình, tốc độ tăng chi tiêu công càng cao thì tăng trưởng kinh tế càng nhanh. Ngoài ra, bài viết cũng chỉ ra tác động tiêu cực của quy mô chi tiêu công đối với tăng trưởng kinh tế. Như vậy có thể thấy chi tiêu công một mặt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mặt khác lại kìm hãm nó.

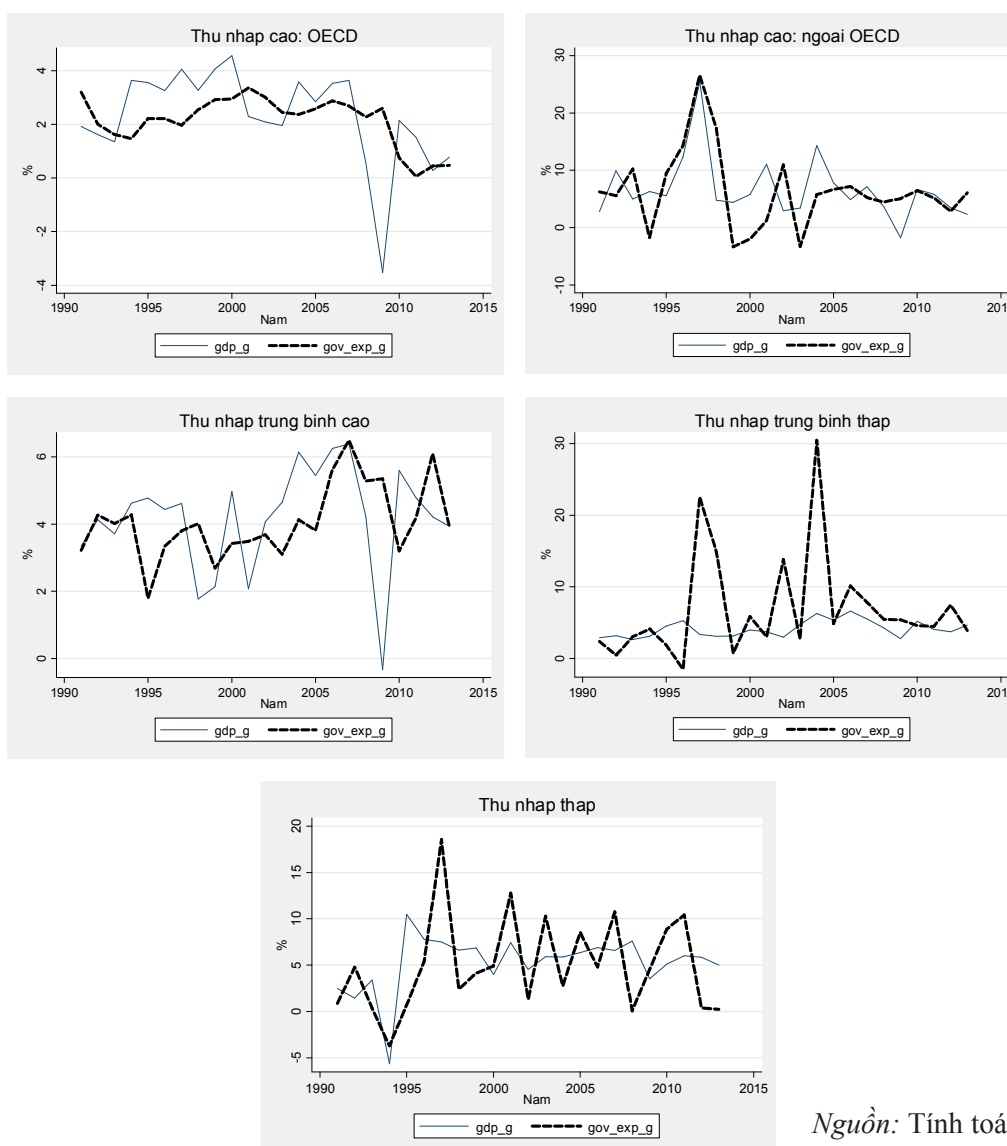
Mặc dù đã có nhiều biện pháp thích được đưa vào mô hình hồi quy dựa theo cả hàm sản xuất và hàm tiêu dùng, tuy nhiên vẫn còn có những biến có thể ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng kinh tế mà chưa được tính tới. Ví dụ như chất lượng của lao động, nguồn vốn đầu tư, hay các đặc điểm của chi tiêu công. Điều đó khiến nhiều người quan ngại về vấn đề biến nội sinh trong mô hình. Thực tế là các nghiên cứu kinh tế vĩ mô thường đối mặt với vấn đề này bởi vì một số những lý do khác nhau, bao gồm: (1) bỏ sót biến, (2) quan hệ tương hỗ giữa biến độc lập và biến phụ thuộc, (3) sai số trong đo lường, và (4) tác động của biến trễ của biến phụ thuộc. Trong phạm vi bài viết này, các tác giả sử dụng phương pháp hồi quy với mô hình tác động cố định nhằm khắc phục vấn đề nội sinh về mặt thống kê, tức là giải quyết riêng đối với nguyên nhân đầu tiên. Còn lại ba nguyên nhân sau, các nghiên cứu tiếp theo có thể vận dụng phương pháp hồi quy 02 giai đoạn (2SLS) hoặc phương pháp moment tổng quát (GMM) để khắc phục. □

Phụ lục

Hình 1: Tỷ lệ Chi tiêu công/GDP trung bình ở các nhóm quốc gia



Hình 2: Biến động về tốc độ tăng chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế ở 05 nhóm quốc gia



Nguồn: Tính toán của các tác giả

Tài liệu tham khảo

- Abounoori, E. & Nademi, Y. (2010), 'Government size threshold and economic growth in Iran', *International Journal of Business and Development Studies*, 2(1), 95-108.
- Alexiou, C. (2007), 'Unraveling the 'mystery' between public expenditure and growth: empirical evidence from Greece', *International journal of economics*, 1(1), 21-31.
- Alexiou, C. (2009), 'Government spending and economic growth: Econometric evidence from the South Eastern Europe (SEE)', *Journal of Economic and Social Research*, 11(1), 1-16.
- Aschauer, D.A. (1989), 'Is Public Expenditure Productive?', *Journal of Monetary Economics*, 23, 177-200.
- Churchill, S.A., Yew, S.L. & Ugur, M. (2015), *Does Government Size Affect Per-Capita Income Growth? A Hierarchical Meta-Regression Analysis*, retrieved on March, 2nd 2016, from <<http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.2693940>>.
- Barro, R.J. (1990), 'Government Spending in a Simple Model of Endogenous Growth', *Journal of Political Economy*, 98(5), 103-125.
- Barro, R.J. (1991), 'Economic Growth in a Cross-Section of Countries', *Quarterly Journal of Economics*, 106, 407-443.
- Bergh, A. & Henrekson, M. (2011), 'Government size and growth: a survey and interpretation of the evidence', *Journal of Economic Surveys*, 25(5), 872-897.
- Clements, B. & Levy, J.V. (1994), 'Public Education Expenditure and Other Determinants of Private Investment in the Caribbean,' *IMF Working Paper*, WP/94/122.
- Devarajan, S., Swaroop, V. & Zou, H.F. (1996), 'The composition of public expenditure and economic growth', *Journal of monetary economics*, 37(2), 313-344.
- Diamond, J. (1989), 'Government Expenditures and Economic Growth: An Empirical Investigation,' *IMF Working Paper*, WP/89/45.
- Easterly, W. & Rebelo, S. (1993), 'Fiscal Policy and Economic Growth: An Empirical Investigation', *Journal of Monetary Economics*, 32, 417-458.
- Gwatkin, D.R. (1983), 'Does Better Health Produce Better Wealth? A Review of the Evidence Concerning Health, Nutrition, and Output', *unpublished, Overseas Development Council, August 1983*.
- Kormendi, R.C. & Meguire, P.G. (1985), 'Macroeconomic Determinants of Growth: Cross-Country Evidence', *Journal of Monetary Economics*, 16, 141-163.
- Levine, R. & Renelt, D. (1992), 'A Sensitivity Analysis of Cross-Country Growth Regressions', *American Economic Review*, 82, 942-963.
- Munnell, A.H. (1990), 'Why Has Productivity Growth Declined? Productivity and Public Investment', *New England Economic Review*, January/February, 3-22.
- Nijkamp, P. & Poot, J. (2004), 'Meta-analysis of the effect of fiscal policies on long-run growth', *European Journal of Political Economy*, 20(1), 91-124.
- Peden, E.A. (1991), 'Productivity in the United States and its relationship to government activity: An analysis of 57 years, 1929-1986', *Public Choice*, 69(2), 153-173.
- Pevcin, P. (2004), 'Does optimal size of government spending exist?', *University of Ljubljana*, 10, 101-135.
- Psacharopoulos, G. (1993), 'Returns to Investment in Education: A Global Update', *Policy Research Working Paper*, WPS 1067.
- Ram, R. (1986), 'Government Size and Economic Growth: A New Framework and Some Evidence from Cross-Section and Time-Series Data', *American Economic Review*, 76, 191-203.
- Ryoo, J. (1998), 'Changes in Rates of Return Over Time: The Case of Korea', *unpublished Ph.D. dissertation. Stanford University, Stanford, California, USA*.
- Saunders, P. (1985), Public expenditure and economic performance in OECD countries. *Journal of Public Poli-*

cy, 5(01), 1-21.

Sattar, Z. (1993), 'Public Expenditure and Economic Performance: A Comparison of Developed and Low-Income Developing Economies', *Journal of International Development*, 5(1), 27-49.

Scully, G.W. (1989), 'Size of the State, Economic Growth, and the Efficient Utilization of National Resources', *Public Choice*, 63, 149-164.

World Bank (1993), *The East Asian Miracle: Economic Growth and Public Policy*, Oxford University Press for the World Bank, New York.

Thông tin tác giả:

***Hoàng Khắc Lịch**, Tiến sỹ Kinh tế học

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế Phát triển, trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Địa chỉ Email: hoangkhaclich@gmail.com

- Một số Tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Journal of Technological and Economic Development of Economy (ISI & Scopus)*, *Journal of Economics and Development*, *Tạp chí Kinh tế và Phát Triển*, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế...*

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tăng trưởng và môi trường tự nhiên; Thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài; Phát triển kinh tế vùng

****Phan Thế Công**, Tiến sỹ Kinh tế

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế - Luật, trường Đại học Thương mại

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tăng trưởng kinh tế; Công nghiệp sáng tạo; Phát triển kinh tế vùng; Kinh tế ngành

- Một số Tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Khoa học Thương mại*, *Chuyên san Kinh tế và Kinh doanh (ĐHQGHN)*, *Kinh tế Châu Á – TBD*, *Tạp chí Quản lý Nhà nước* *Tạp chí Kinh tế và Dự báo...*

- Địa chỉ Email: congpt@vcu.edu.vn